Người ký: Sở Tư pháp
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình
Thời gian ký: 26.10.2018 08:57:54 +07:00

Biểu 01: NHU CẦU KẾ HOẠCH VỐN THANH TOÁN NỢ XÂY DỰNG CƠ BẢN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN ĐẾN NGÀY 28 THÁNG 02 NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số: 06 /2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	DỰ ÁN	Nợ XDCB đến 31/12/2017	Nợ XDCB còn lại chưa có nguồn xử lý
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	**300.706**	**157.952**
1	Củng cố, bảo vệ và nâng cấp đê biển số 6, đoạn từ K14+500 đến K18+00 và K26+00 đến K34+00 huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	51.509	26.509
2	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để di chuyển cửa hàng xăng dầu của Công ty Thương mại Việt Hà tại phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình	4	4
3	Xử lý khẩn cấp kè Hà My đoạn từ K42+840 đến K43+040 đê biển số 7, huyện Thái Thụy	6	6
4	Di chuyển đường điện trung áp 10KV Khu công nghiệp Tiền Hải	8	8
5	Điện chiếu sáng thuộc dự án đầu tư xây dựng Kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Gia Lễ	11	11
6	Phát triển giống cây nông, lâm nghiệp từ năm 2013 đến năm 2020 phục vụ sản xuất tỉnh Thái Bình và các tỉnh trong cả nước (giai đoạn 1)	16	16
7	Đầu tư xây dựng trường Trung học phổ thông Mê Linh, huyện Đông Hưng	21	21
8	Hạ tầng thủy sản xã Bình Thanh, huyện Kiến Xương	23	23
9	Di chuyển đường dây 10KV Trường Trung cấp nghề cho người khuyết tật tỉnh Thái Bình	32	32
10	Nhà học và phục vụ học tập Trường THPT Hưng Nhân, huyện Hưng Hà	33	33
11	Cải tạo, nâng cấp Trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn - Thành phố Thái Bình	37	37
12	Mở rộng nhà để xe, cải tạo tường dậu của Trường Đại học Thái Bình	37	37
13	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	38	38
14	Cải tạo đường tránh qua Thị trấn Thanh Nê - huyện Kiến Xương	41	41
15	Đường làng nghề xã Thái Xuyên kéo dài	42	42
16	Tu bổ, tôn tạo và bảo tồn khu di tích Chùa Keo, xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư	47	47
17	Nhà khách công vụ Công an tỉnh	63	63
18	Nhà để xe tại trụ sở làm việc của HĐND, UBND và Đoàn ĐBQH tỉnh	69	69
19	Hệ thống thiết bị Trung tâm Phát thanh và Truyền hình Thái Bình (Giai đoạn 1)	71	71
20	Đường Đồng Châu (Giai đoạn 1)	92	92
21	Nhà học 4 tầng số 2 trường Trung học phổ thông Đông Thụy Anh	99	99
22	Xử lý khẩn cấp kè Hồng Phong, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà (đoạn từ K1+800 đến K2+280)	218	218
23	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Đoàn ca múa kịch Thái Bình	277	277
24	Sửa chữa, khắc phục thiệt hại do cơn bão số 01 năm 2016 gây ra tại Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	323	323
25	Hệ thống truyền thanh vùng công giáo và ven biển, tỉnh Thái Bình	342	342
26	Trường Trung cấp nghề Thủ công mỹ nghệ Kiến Xương (Giai đoạn 1)	388	388
27	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị của Trung tâm Cai nghiện ma túy và Chăm sóc đối tượng xã hội Thái Bình	393	393
28	Sửa chữa phòng làm việc Báo Thái Bình điện tử	494	494

STT	DỰ ÁN	Nợ XDCB đến 31/12/2017	Nợ XDCB còn lại chưa có nguồn xử lý
1	2	3	4
29	Cải tạo, nâng cấp Đường liên xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương đi xã Vũ Hội huyện Vũ Thư (đoạn từ tỉnh lộ 458 đến cống Chợ Cầu)	518	518
30	Hỗ trợ hạ tầng Nhà ở xã hội, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình	576	576
31	Cải tạo, sửa chữa các công trình bị thiệt hại do bão số 1 gây ra tại Bệnh viện Tâm thần	549	549
32	Cải tạo, nâng cấp mặt đê Đại Thắng, xã Hồng Tiến, huyện Kiến Xương	554	554
33	Hệ thống cấp nước thị trấn Nam Trung, huyện Tiền Hải	679	679
34	Xây dựng trường Trung học phổ thông Đông Thụy Anh, huyện Thái Thụy năm 2010	843	843
35	Xử lý khẩn cấp kè Hống từ K17+600 đến K18+100, đê Hữu sông Hóa xã Thụy Ninh, huyện Thái Thụy	881	881
36	Xử lý khẩn cấp kè Thái Phúc đoạn từ K46+060 đến K46+520 đê tả sông Trà Lý	975	975
37	Nhà hành chính quản trị trường Trung học phổ thông Nam Duyên Hà	1.107	1.107
38	Cải tạo, sửa chữa thiệt hại do cơn bão số 01 năm 2016 gây ra đối với công trình Bảo tàng tỉnh	1.169	1.169
39	Nâng cấp hệ thống đê Hồng Hà đoạn từ Nhật Tảo đến Tân Đệ (K133 - K150 và K150 - K160), giai đoạn I từ K139+400 đến K141+100 và từ K142+100 đến K146+100	1.202	1.202
40	Đường và cầu qua sông Đào Thành nối hai xã Canh Tân - Cộng Hòa, huyện Hưng Hà	1.244	1.244
41	Xử lý khẩn cấp kè Bình Trật I, từ K34+800 đến K35+200, đê Hữu Trà Lý, xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương	1.301	1.301
42	Xử lý khẩn cấp đê bối Vũ Vân, tuyến đê I, huyện Vũ Thư	1.608	1.608
43	Đường ĐH 76 đoạn từ cầu Xuân Trạch đến bờ sông Diêm nối dài đến Đền Trần A Sào, huyện Quỳnh Phụ	1.731	1.731
44	Nhà ăn học viên Trường Cao đẳng nghề số 19	3.828	1.828
45	Xử lý khẩn cấp đê bối Hồng Minh - Chí Hòa từ K2+900 đến K6+200, đê tả Trà Lý, huyện Hưng Hà	8.886	1.886
46	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật tỉnh Thái Bình	1.987	1.987
47	Xử lý khẩn cấp kè Cao Phú từ K18+800 đến K19+150 đê tả Trà Lý, xã Đồng Phú, huyện Đông Hưng	2.570	1.270
48	Xử lý khẩn cấp sạt lở đê bối Lưu Xá, xã Canh Tân, huyện Hưng Hà	2.690	1.390
49	Xử lý khẩn cấp đê bối Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ	2.805	1.405
50	Sạn nền lấp trũng, xây dựng, mua sắm, lắp đặt thiết bị xây dựng nhà A, B khoa khám bệnh thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện Mắt Thái Bình (giai đoạn 1)	3.704	1.858
51	Dự án đầu tư xây dựng Thư viện điện tử/Thư viện số tỉnh Thái Bình phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội địa phương	3.908	908

STT	DỰ ÁN	Nợ XDCB đến 31/12/2017	Nợ XDCB còn lại chưa có nguồn xử lý
1	2	3	4
52	Xử lý khẩn cấp kè Bình Trật II đoạn từ K36+100 đến K36+350, đê Hữu Trà Lý, huyện Kiến Xương	4.481	2.181
53	Xử lý khẩn cấp kè Nội Lang đoạn từ K2+300 đến K3+200 và kè hướng dòng thượng lưu cống Tân Lập, xã Nam hải, huyện Tiền Hải	6.934	4.434
54	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cửa sông Trà Lý, tỉnh Thái Bình	6.333	3.733
55	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cửa sông Diêm Hộ, xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy (giai đoạn 1)	6.491	3.891
56	Nâng cấp hệ thống sông Hữu Luộc K0 - K36 (GĐ1 từ K18+700 đến K22+700, Kè Đồng Trực, Kè Hiệp Tứ)	8.043	4.743
57	Bệnh xá Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình	8.590	5.090
58	Khắc phục thiệt hại do bão số 01 công trình trường THPT Chuyên Thái Bình	9.959	5.959
59	Trung tâm vận chuyển cấp cứu 115	14.523	8.523
60	Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Bình	18.065	10.865
61	Cầu Tịnh Xuyên	30.000	11.800
62	Tuyến đường từ QL39 đi phà Cồn Nhất (đoạn từ QL39 đến Trà Giang) (bao gồm cả 02 giai đoạn) - bố trí để thanh toán dứt điểm nợ xây dựng cơ bản của giai đoạn 1	63.188	19.907
63	Xử lý khẩn cấp đê cửa sông hữu Diêm Hộ đoạn từ K1+050 đến K4+800 và gia cố chân kè Hà My, huyện Thái Thụy	12.223	9.828
64	Xử lý khẩn cấp đê cửa sông Tả Diêm Hộ, đoạn từ K0+300 đến K2+300, xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy	11.782	9.750
65	Hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình	45	45

Biểu 02: BỔ SUNG DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ODA - ĐỐI ỨNG NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2018-2020

Kèm theo Nghị quyết số: 41/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Dự án	Chủ dự án	Nhà tài trợ	QĐ phê duyệt dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện dự án	KH 2018-2020		KH vốn đối ứng 2018-2020- Ngân sách tỉnh	Ghi chú
					ODA	Vốn đối ứng	Tổng cộng		ODA (đang đề xuất)	Đối ứng		
	Tổng số				**579.812**	**140.174**	**719.986**		**549.444**	**125.323**	**50.000**	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình thí điểm xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ tưới tiêu cho khu cánh đồng mẫu sản xuất sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao theo hướng tăng trưởng xanh (cho 3 Xã huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình)	BQLDA các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Chính phủ cấp phát		126.847	23.077	149.924	2018-2020	126.847	23.077	10.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Xử lý đột xuất cấp bách kè Hà My đoạn từ K2+000 đến K2+850 đê cửa Hữu sông Diêm Hộ; nắn tuyến đê bảo vệ khu dân cư thuộc thị trấn Diêm Điền từ cống Ngoại Trình II K12+870 đến cống Diêm Điền K13 Pam huyện Thái Thụy; trồng rừng ngập mặn đê biển số 8 huyện Thái Thụy, đê biển 5,6 huyện Tiền Hải; nâng cấp tuyến đê biển từ K42 đến K43+700 và K44+750 đến K55 huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	BQLDA các công trình nông nghiệp và PTNT	Chính phủ cấp phát		160.673	29.302	189.975	2018-2020	160.673	29.302	10.000	
3	Dự án tăng cường hệ thống y tế tỉnh tại Thái Bình; sử dụng vốn vay ODA của Ngân hàng tái thiết Đức (KfW)	Sở Y tế	KFW (vay lại 30%)		71.893	17.973	89.866	2018-2020	71.893	17.973	8.000	
4	Dự án hỗ trợ tạo việc làm và hoà nhập tại các trường dạy nghề Việt Nam	Trường cao đẳng nghề Thái Bình	Chính phủ Italia		17.945	3.346	21.291	2018-2020	17.945	3.346	2.000	
5	Dự án bảo tồn và quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển khu vực đồng bằng sông Hồng; sử dụng vốn vay ODA của Ngân hàng tái thiết Đức (KfW)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	KFW (vay lại 30%)		202.454	66.476	268.930	2018-2022	172.086	51.625	20.000	

Biểu 03: NHU CẦU KẾ HOẠCH VỐN CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2019-2020

Kèm theo Nghị quyết số: 16/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Luỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu giai đoạn 2016-2020	Đã bố trí năm 2016, 2017	Kế hoạch năm 2018	Dự kiến nhu cầu 2019-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ		**13.185.983**	**110.139**	**2.234.631**	**545.504**	**287.032**	**1.402.095**	
A	**CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP ĐÃ ĐƯỢC QUYẾT NGHỊ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 17/2017/NQ-HĐND**		**10.287.550**	**110.139**	**911.899**	**275.665**	**191.400**	**444.834**	
I	**Các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2018-2020**		**1.358.904**	**110.139**	**769.399**	**275.265**	**140.900**	**353.234**	
1	Đường cứu hộ cứu nạn liên xã Quang Bình, Quang Minh, Minh Tân, Bình Thanh huyện Kiến Xương	2056; 14/10/2011	341.755	73.000	80.000	20.000	10.000	50.000	
2	Tuyến đường ĐT.456 (đường trục I) từ cầu Vô Hối đến Diêm Điền, huyện Thái Thụy	3124; 31/10/2016;	298.175		208.000	115.000	10.000	83.000	
3	Tuyến đường trục ĐH.60 đoạn từ cầu Văn Cầm (ĐT.452) đi Đô Kỳ (ĐT.455) và đoạn từ ngã tư Trần Xá, xã Văn Cầm đi xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà sang xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ	36; 10/6/2015 1452; 21/04/2017	85.000		67.000	12.000	8.000	47.000	
4	Cầu qua sông 3/2 trên tuyến đường Kỳ Đồng kéo dài và nạo vét sông 3/2 (đoạn từ chợ cầu Nề đến sông Kiến Giang) Thành phố	771; 31/03/2016	24.924		21.410	9.410	5.000	7.000	
5	Cầu Vũ Trung - Vũ Quý, huyện Kiến Xương	1732: 26/9/2014	37.000	12.000	24.941	4.941	6.000	14.000	
6	Tuyến đường ĐT455 (đường 216 cũ) đoạn từ nút giao với đường Thái Bình - Hà Nam đến xã Quỳnh Nguyên huyện Quỳnh Phụ	636; 16/3/2017	56.292		45.000	-	10.000	35.000	
7	Sửa chữa, nâng cấp đường Nguyễn Mậu Kiến (đoạn qua Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình)	546; 04/3/2016	16.974		16.000	12.000	3.500	500	
8	Cải tạo, nâng cấp trại nuôi cá thực nghiệm nuôi cá Hòa Bình và Trại giống nước ngọt Vũ Lạc thuộc trung tâm giống thủy sản Thái Bình	3078; 28/10/2016	10.068		10.000	3.000	3.400	3.600	
9	Xử lý khẩn cấp kè Đào Thành xã Canh Tân, huyện Hưng Hà từ K4+100 đến K4+700, đê hữu Luộc	3673; 14/12/2016	14.420		13.000	3.000	8.000	2.000	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Luỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu giai đoạn 2016-2020	Đã bố trí năm 2016, 2017	Kế hoạch năm 2018	Dự kiến nhu cầu 2019-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
10	Xử lý khẩn cấp đê bối Hồng Minh - Chí Hòa, từ K2+900 đến K6+200, đê tả Trà Lý, huyện Hưng Hà	3435; 28/11/2016	14.487		13.000	4.000	7.000	2.000	
11	Xử lý khẩn cấp đoạn cuối kè Vũ Bình và kè hai bờ cửa vào phía thượng lưu cống Nguyệt Lâm, xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương	31; 09/01/2017	14.985		13.000		5.000	8.000	
12	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh	2355; 1/9/2017	34.900	0	24.000	4.000	6.000	14.000	
13	Dự án đầu tư xây dựng các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Mắt	2357; 01/9/2017	14.958	0	12.000	4.300	4.000	3.700	
14	Dự án đầu tư xây dựng Trường cán bộ thanh thiếu nhi	2727; 04/10/2016	11.039		10.100	5.100	2.000	3.000	
15	Đầu tư xây dựng nhà lớp học 3 tầng và khu dinh dưỡng Trường mầm non Hoa Hồng	180; 3110/2016	7.622		7.277	3.277	2.000	2.000	
16	Dự án cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình	381; 15/2/2017; 774; 05/4/2017	4.302		4.000	-	3.000	1.000	
17	Tu bổ, tôn tạo Đình, Đền, Chùa, Miếu Bình Cách xã Đông Xá, huyện Đông Hưng	940; 26/5/11	19.811	10.639	7.500	2.500	2.000	3.000	
18	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đình, đền Lại Trì, xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	181; 31/10/2016	25.000		23.000	7.000	10.000	6.000	
19	Khu hành cung Lỗ Giang, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà		19.132		19.000	10.000	7.000	2.000	
20	Cụm bến Tượng thuộc khu di tích lịch sử Nhà Trần: Đình, Đền, Bến Tượng A Sào, xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ	2680; 13/10/2017	32.800		25.000	3.000	10.000	12.000	
21	Trụ sở làm việc Công an huyện Thái Thuỵ	307B; 24/10/2014	64.827	14.500	25.000	8.000	5.000	12.000	
22	Doanh trại - Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	4508; 29/10/2015	200.000		90.737	40.737	10.000	40.000	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Luỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu giai đoạn 2016-2020	Đã bố trí năm 2016, 2017	Kế hoạch năm 2018	Dự kiến nhu cầu 2019-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
23	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin vào phần mềm quản lý hồ sơ người có công	3128a; 31/10/2016	2.734		2.734	1.000	1.000	734	
24	Đầu tư xây dựng Thư viện điện tử Thư viện số tỉnh Thái Bình phục vụ phát triển KTVHXH địa phương	3103; 28/10/2016	7.700		7.700	3.000	3.000	1.700	
II	**Các dự án khởi công mới năm 2018, chuyển tiếp giai đoạn 2019-2020**		**8.928.646**	-	**142.500**	**400**	**50.500**	**91.600**	
25	Dự án tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thái Bình		1.593.000		20.000		10.000	10.000	
26	Đầu tư xây dựng công trình Khu cảng và dịch vụ cảng cụm công nghiệp, khu du lịch nghỉ dưỡng vui chơi giải trí tại Khu kinh tế Thái Bình thuộc xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy (hợp phần A: nạo vét luồng tàu biển, xây kè công trình bảo vệ tàu, hạ tầng kỹ thuật và giao thông đến hàng rào cảng)		7.200.000		10.000		5.000	5.000	
27	Cải tạo sửa chữa nhà I Bệnh viện Đa khoa tỉnh (để bố trí cho Trung tâm ung bướu)	2813; 30/10/2017	4.482	0	3.600		1.500	2.100	
28	Xây dựng nhà hiệu bộ Trường THPT Đông Thụy Anh	2774; 25/10/2017	7.338		5.900	100	3.000	2.800	
29	Cải tạo, sửa chữa nhà học 3 tầng 21 phòng học, xây dựng trạm biến áp và hệ thống đường điện Trường THPT Tiên Hưng	2830; 31/10/2017	4.879		3.900		2.000	1.900	
30	Xây dựng nhà học 3 tầng 15 phòng học Trường THPT Chu Văn An	2775; 25/10/2017	12.722		10.200	100	3.000	7.100	
31	Đầu tư xây dựng nhà học 3 tầng trường THPT Lê Quý Đôn	3123; 31/10/2016	11.318		9.100	100	3.000	6.000	
32	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm Cai nghiện ma túy và chăm sóc đối tượng xã hội tỉnh Thái Bình	2648; 10/10/2017	4.850		3.900	100	2.000	1.800	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Luỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu giai đoạn 2016-2020	Đã bố trí năm 2016, 2017	Kế hoạch năm 2018	Dự kiến nhu cầu 2019-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
33	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường quay truyền hình Đài phát thanh và truyền hình Thái Bình	3123a; 31/10/2016	12.932		10.000	-	3.000	7.000	
34	Dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích Miếu Hai thôn, xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư	2708; 17/10/2017	4.938	-	4.500	-	2.500	2.000	
35	Đầu tư xe truyền hình lưu động Đài phát thanh truyền hình tỉnh		29.920		27.000		6.000	21.000	
36	Sửa chữa, xây dựng một số cơ sở vật chất của Trung tâm thông tin công tác tuyên giáo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	1641; 23/6/2017	4.900		4.500	-	2.000	2.500	
37	Phân căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật phía trước, trong khu vực phòng thủ tỉnh Thái Bình	2812; 30/10/2017	34.738		27.800	-	6.000	21.800	
38	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình		2.629		2.100	-	1.500	600	
B	**CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM KHỞI CÔNG MỚI**		**2.898.434**	-	**1.322.732**	**269.839**	**95.632**	**957.261**	
I	**DANH MỤC ĐÃ ĐƯỢC QUYẾT NGHỊ TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 17/2017/NQ-HĐND**		**196.587**	-	**132.600**	**100**	**10.000**	**122.500**	
1	Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến nhánh nối từ QL39 đến dự án BOT (tuyến đường nối từ QL10 đến đường Thái Bình - Hà Nam, đoạn từ QL10 đến sông Trà Lý và cầu vượt sông Trà Lý		124.000		80.000		10.000	70.000	
2	Đầu tư mua máy siêu âm và hệ thống số hóa X- quang - Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	2720; 18/10/2017	2.550		2.100		-	2.100	
3	Dự án đầu tư xây dựng Khoa phẫu thuật Bệnh viện Mắt	2253; 24/8/2017	26.818	0	21.500	100	-	21.400	
4	Đầu tư xây dựng nhà đa năng, nhà để xe, sân tập thể thao ngoài trời và cải tạo một số hạng mục nhà học 6 tầng trường THPT Chuyên Thái Bình	2014; 22/7/2016	28.210		15.000	-	-	15.000	
5	Dự án cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình cấp bách của Trường Chính trị tỉnh	630; 16/3/2017	3.809		3.000	-	-	3.000	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Luỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu giai đoạn 2016-2020	Đã bố trí năm 2016, 2017	Kế hoạch năm 2018	Dự kiến nhu cầu 2019-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	Đền Trần xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà		11.200		11.000			11.000	
II	**DANH MỤC BỔ SUNG**		**2.701.847**	**-**	**1.190.132**	**269.739**	**85.632**	**834.761**	
1	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm kiểm soát bệnh tật CDC tỉnh Thái Bình		119.400		85.000		10.000	75.000	
2	Dự án đầu tư xây dựng Thư viện khoa học tổng hợp tỉnh		25.000		20.000		10.000	10.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp đường tránh trú bão, cứu hộ, cứu nạn, phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh quốc phòng ven biển phía Nam tỉnh Thái Bình (đường 221A)		711.000		300.000	15.239	60.000	224.761	
4	Dự án nâng bãi ổn định đê biển số 8 từ K26+700 đến K31+700 huyện Thái Thuỵ, kết hợp tạo mặt bằng để phát triển công nghiệp - dịch vụ		706.108		300.000	239.000		61.000	
5	Nắn tuyến đê biển 8 từ K26+700 đến K31+700 kết hợp giao thông huyện Thái Thụy	2097; 01/8/2016	414.105		150.000	10.000		140.000	
6	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa thành phố Thái Bình tại khu Trung tâm y tế		34.900		20.000			20.000	
7	Dự án công viên Kỳ Bá thành phố Thái Bình		350.000		150.000			150.000	
8	Dự án đầu tư xây dựng công viên phía Bắc thuộc Công viên 30/6		33.000		15.000			15.000	
9	Dự án bảo tàng tỉnh Thái Bình		250.000		100.000			100.000	
10	Xử lý cấp bách cống Cháy tại K8+500 đê cửa sông Hữu Hóa xã Thụy Tân huyện Thái Thụy	2676; 12/10/2017	9.301		6.000			6.000	
11	Xử lý cấp bách cống Dương Liễu tại vị trí Km 190+600 đê tả Hồng Hà II, xã Minh Tân, huyện Kiến Xương	1131; 15/5/2018	13.880		10.000			10.000	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Luỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Nhu cầu giai đoạn 2016-2020	Đã bố trí năm 2016, 2017	Kế hoạch năm 2018	Dự kiến nhu cầu 2019-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
12	Xử lý khẩn cấp đường vào trung tâm xã và đường vào khu di dân tái định cư xã Quỳnh Lâm, huyện Quỳnh Phụ	4068/; 30/12/2016	13.041		12.632	2.500	5.632	4.500	
13	Xử lý cấp bách kè Lão Khê đoạn từ K133+250 đến K133+700 đê Hồng Hà I, huyện Hưng Hà	1171; 12/5/2017	13.129		13.000			13.000	
14	Xử lý khẩn cấp kè Tân Thành 3 đoạn từ K17+900 đến K18+400 đê Hữu Trà Lý huyện Vũ Thư	1376; 05/6/2017	8.983		8.500	3.000		5.500	

Biểu 04: DỰ KIẾN NHU CẦU CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2019-2020

(Kèm theo Nghị quyết số: 16/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Dự kiến kế hoạch 2019-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
	TỔNG SỐ		**725.583**	**408.000**	
1	Xử lý khẩn cấp đê cửa sông Hữu Hóa đoạn từ K2+900 đến K7+000, huyện Thái Thụy	1406; 07/6/2017	14.861	12.000	
2	Xử lý khẩn cấp kè Vũ Đoài đoạn từ K10+400 đến K11+064, đê tuyến 1, huyện Vũ Thư		14.848	12.000	
3	Xử lý cấp bách tuyến đê, kè thuộc đê Tả Hồng Hà II, đoạn từ K158+150 đến K159+550 huyện Vũ Thư (GĐ2)	1162; 13/5/2016	28.483	20.000	
4	Đường ĐT.454 (chân cầu Tịnh Xuyên) đi khu di tích lịch sử Hành cung Lỗ Giang và Khu lưu niệm nhà bác học Lê Quý Đôn, huyện Hưng Hà		116.500	65.000	
5	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.455 (đường 216 cũ) đoạn từ QL10 đến đường ĐT.456. (Giai đoạn 1: Từ Quốc lộ 10 đến xã An Dục, Quỳnh Phụ)		100.000	62.000	
6	Tuyến đường ĐT455 (đường 216 cũ) đoạn từ nút giao với đường Thái Bình - Hà Nam đến lối rẽ vào UBND xã Tây Đô, huyện Hưng Hà		86.270	48.000	
7	Đường ĐH.64, huyện Hưng Hà đoạn từ đường ĐT.452 đi đường ĐT.455)		55.000	20.000	
8	Dự án đầu tư xây dựng Nhà điều trị bệnh nhân, trạm biến áp và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện đa khoa Phụ Dực	2750; 20/10/2017	24.046	15.600	
9	Xây dựng nhà hiệu bộ, các phòng bộ môn và hạng mục phụ trợ Trường THPT Phạm Quang Thẩm	2701; 16/10/2017	11.321	8.000	
10	Xây dựng nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Bình Thanh		10.099	7.000	
11	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng bộ môn Trường THPT Lý Bôn		17.167	12.000	
12	Nhà học 4 tầng 16 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Hưng Nhân huyện Hưng Hà	2818; 30/10/2017	14.807	10.000	
13	Đầu tư san lấp mặt bằng khu đất mở rộng, xây dựng hệ thống thoát nước toàn trường, lán xe giáo viên và lát sân trường - Trường THPT Mê Linh		5.000	4.000	
14	Đầu tư xây dựng các hạng mục còn lại theo quy hoạch tổng thể Khu lưu niệm nhà bác học Lê Quý Đôn, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà		30.000	23.000	
15	Xây dựng nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ Doanh trại Ban chỉ huy Quân sự huyện Tiền Hải, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	2911; 9/11/2017	9.222	7.400	
16	Đầu tư xây dựng 3 trạm bơm động lực để tiêu thoát nước mưa trên địa bàn Thành phố, Thái Bình		20.000	10.000	
17	Đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 219 đoạn Vũ Quý - Vũ Trung, huyện Kiến Xương	1552; 18/10/2016	15.000	8.000	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Dự kiến kế hoạch 2019-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
18	Cải tạo nâng cấp đường Vũ Quý - Vũ Bình, huyện Kiến Xương	847; 16/06/2016	24.700	10.000	
19	Cải tạo nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn liên xã Bình Nguyên - An Bình - Vũ Tây, huyện Kiến Xương	1637; 06/10/2017	30.333	12.000	
20	Xây dựng phần thân đơn nguyên I, khối nhà 7A, Bệnh viện Đa khoa huyện Hưng Hà		9.000	6.000	
21	Xây dựng cầu Quyết Tiến -Thanh Tân, huyện Kiến Xương	493; 26/02/2018	13.873	8.000	
22	Đầu tư xây dựng Trung tâm kỹ thuật, cận lâm sàng và trạm biến áp Bệnh viện đa khoa Vũ Thư		33.000	12.000	
23	Xử lý cấp bách kè Thái Phúc II, đê tả Trà Lý đoạn từ K48+230 đến K48+930 thuộc địa phận xã Thái Phúc, huyện Thái Thụy.		13.853	6.000	
24	Cải tạo khối nhà học 3 tầng 21 phòng Trường Trung học phổ thông Nam Đông Quan		5.200	3.000	
25	Dự án đầu tư xây dựng nhà điều trị nội trú 5 tầng Bệnh viện Đa khoa Thái Ninh		23.000	7.000	

Biểu 03: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2018-2020

Kèm theo Nghị quyết số: 06/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh

Đơn vị: triệu đồng

STT	DỰ ÁN	Kế hoạch vốn trung hạn 2018-2020 theo Nghị quyết 17/2017/NQ-HĐND	Kế hoạch vốn năm 2018 đã phân bổ	Kế hoạch vốn trung hạn nguồn NSĐP 2018-2020 bổ sung	Kế hoạch vốn trung hạn nguồn NSĐP 2018-2020 sau điều chỉnh
	TỔNG SỐ	**54.401**	**121.000**	**66.599**	**121.000**
I	**Dự án chưa có trong danh mục kế hoạch trung hạn tại Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND**	**-**	**45.500**	**45.500**	**45.500**
1	Xử lý khẩn cấp kè Cao Phú từ K18+800 đến K19+150 đê tả Trà Lý, xã Đồng Phú, huyện Đông Hưng		1.300	1.300	1.300
2	Xử lý khẩn cấp sạt lở đê bối Lưu Xá, xã Canh Tân, huyện Hưng Hà		1.300	1.300	1.300
3	Xử lý khẩn cấp đê bối Quỳnh Hoa, huyện Quỳnh Phụ		1.400	1.400	1.400
4	Xử lý khẩn cấp kè Bình Trật II đoạn từ K36+100 đến K36+350, đê Hữu Trà Lý, huyện Kiến Xương		2.300	2.300	2.300
5	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cửa sông Trà Lý, tỉnh Thái Bình		2.600	2.600	2.600
6	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại cửa sông Diêm Hộ, xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy (Giai đoạn 1)		2.600	2.600	2.600
7	Nâng cấp hệ thống sông Hữu Luộc K0 - K36 (Giai đoạn 1 từ K18+700 đến K22+700, Kè Đồng Trực, Kè Hiệp Tứ)		3.300	3.300	3.300
8	Bệnh xá Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Bình		3.500	3.500	3.500
9	Khắc phục thiệt hại do bão số 01 công trình trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Bình		4.000	4.000	4.000
10	Trung tâm vận chuyển cấp cứu 115		6.000	6.000	6.000
11	Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Thái Bình		7.200	7.200	7.200
12	Cầu Tịnh Xuyên		8.000	8.000	8.000
13	Nhà ăn học viên trường Cao đẳng nghề số 19 Bộ Quốc phòng		2.000	2.000	2.000
II	**Dự án bố trí Kế hoạch 2018 cao hơn kế hoạch trung hạn**	**54.401**	**75.500**	**21.099**	**75.500**
1	Xử lý khẩn cấp kè Nội Lang đoạn từ K2+300 đến K3+200 và kè hướng dòng thượng lưu cống Tân Lập, xã Nam Hải huyện Tiền Hải	1.961	2.500	539	2.500
2	Cầu vượt sông Trà Lý	50.000	60.000	10.000	60.000
3	Tuyến đường từ QL39 đi phà Cồn Nhất (đoạn từ QL39 đến Trà Giang) (bao gồm cả 02 giai đoạn) - bố trí để thanh toán dứt điểm nợ XDCB của GĐ 1	2.440	13.000	10.560	13.000

Biểu 06: DANH MỤC DỰ ÁN PHÂN BỔ CHI TIẾT KẾ HOẠCH TRUNG HẠN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2018-2020

Kèm theo Nghị quyết số: 06/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của HĐND tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Luỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Đã bố trí năm 2016, 2017	Kế hoạch năm 2018 đã phân bổ	Phân bổ chi tiết giai đoạn 2018-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ		**2.316.281**	**146.653**	**410.165**	**292.717**	**292.717**	
A	**CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG NĂM 2018**		**1.900.936**	**146.653**	**409.765**	**214.217**	**214.217**	
1	Đường cứu hộ cứu nạn liên xã Quang Bình, Quang Minh, Minh Tân, Bình Thanh huyện Kiến Xương	2056; 14/10/2011	341.755	73.000	20.000	10.000	10.000	
2	Tuyến đường ĐT.456 (đường trục I) từ cầu Vô Hối đến Diêm Điền, huyện Thái Thụy	3124; 31/10/2016;	298.175		115.000	10.000	10.000	
3	Tuyến đường trục ĐH.60 đoạn từ cầu Văn Cẩm (ĐT.452) đi Đô Kỳ (ĐT.455) và đoạn từ ngã tư Trần Xá xã Văn Cẩm đi xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà sang xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ	36; 10/6/2015 1452; 21/04/2017	85.000		12.000	8.000	8.000	
4	Cầu qua sông 3/2 trên tuyến đường Kỳ Đồng kéo dài và nạo vét sông 3/2 (đoạn từ chợ cầu Nề đến sông Kiến Giang) Thành phố	771; 31/03/2016	24.924		9.410	5.000	5.000	
5	Cầu Vũ Trung - Vũ Quý, huyện Kiến Xương	1732: 26/9/2014	37.000	12.000	4.941	6.000	6.000	
6	Tuyến đường ĐT455 (đường 216 cũ) đoạn từ nút giao với đường Thái Bình - Hà Nam đến xã Quỳnh Nguyên huyện Quỳnh Phụ	636; 16/3/2017	56.292		0	10.000	10.000	
7	Sửa chữa, nâng cấp đường Nguyễn Mậu Kiến (đoạn qua Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình)	546; 04/3/2016	16.974		12.000	3.500	3.500	
8	Cải tạo, nâng cấp trại nuôi cá thực nghiệm nuôi cá Hòa Bình và Trại giống nước ngọt Vũ Lạc thuộc Trung tâm giống thủy sản Thái Bình	3078; 28/10/2016	10.068		3.000	3.400	3.400	
9	Xử lý khẩn cấp kè Đào Thành xã Canh Tân, huyện Hưng Hà từ K4+100 đến K4+700, đê hữu Luộc	3673; 14/12/2016	14.420		3.000	8.000	8.000	
10	Xử lý khẩn cấp đê bối Hồng Minh - Chí Hòa, từ K2+900 đến K6+200, đê tả Trà Lý, huyện Hưng Hà	3435; 28/11/2016	14.487		4.000	7.000	7.000	
11	Xử lý khẩn cấp đoạn cuối kè Vũ Bình và kè hai bờ cửa vào phía thượng lưu cống Nguyệt Lâm, xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương	31; 09/01/2017	14.985			5.000	5.000	
12	Cải tạo, sửa chữa trạm thủy sản Bắc Thái Bình	323; 03/2/2017	1.407		0	1.000	1.000	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Luỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Đã bố trí năm 2016, 2017	Kế hoạch năm 2018 đã phân bổ	Phân bổ chi tiết giai đoạn 2018-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
13	Dự án tăng cường năng lực quan trắc, phân tích tài nguyên và môi trường	1456; 10/6/2016	5.755		4.500	1.000	1.000	
14	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh	2355; 1/9/2017	34.900	0	4.000	6.000	6.000	
15	Dự án đầu tư xây dựng các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Mắt	2357; 01/9/2017	14.958	0	4.300	4.000	4.000	
16	Dự án đầu tư xây dựng Trường Cán bộ thanh thiếu nhi	2727; 04/10/2016	11.039		5.100	2.000	2.000	
17	Đầu tư xây dựng nhà lớp học 3 tầng và khu dinh dưỡng Trường mầm non Hoa Hồng	180; 3110/2016	7.622		3.277	2.000	2.000	
18	Dự án cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình	381; 15/2/2017; 774; 05/4/2017	4.302		0	3.000	3.000	
19	Tu bổ, tôn tạo Đình, Đền, Chùa, Miếu Bình Cách xã Đông Xá, huyện Đông Hưng	940; 26/5/11	19.811	10.639	2.500	2.000	2.000	
20	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đình, đền Lại trì, xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	181; 31/10/2016	25.000		7.000	10.000	10.000	
21	Khu hành cung Lỗ Giang, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà		19.132		10.000	7.000	7.000	
22	Cụm bến Tượng thuộc khu di tích lịch sử Nhà Trần: Đình, Đền, Bến Tượng A Sào, xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ	2680; 13/10/2017	32.800		3.000	10.000	10.000	
23	Xây dựng nhà để xe ô tô tại Trụ sở Tỉnh ủy	1244; 19/5/2017	1.643		0	1.500	1.500	
24	Trụ sở làm việc Công an huyện Quỳnh Phụ	6523; 24/10/2013	70.313	22.714	10.746	317	317	
25	Trụ sở làm việc Công an huyện Thái Thuỵ	307B; 24/10/2014	64.827	14.500	8.000	5.000	5.000	
26	Doanh trại - Bộ CHQS tỉnh	4508; 29/10/2015	200.000		40.737	10.000	10.000	
27	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin vào phần mềm quản lý hồ sơ người có công	3128a; 31/10/2016	2.734		1.000	1.000	1.000	
28	Đầu tư xây dựng Thư viện điện tử Thư viện số tỉnh Thái Bình phục vụ phát triển KTVHXH địa phương	3103; 28/10/2016	7.700		3.000	3.000	3.000	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Luỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Đã bố trí năm 2016, 2017	Kế hoạch năm 2018 đã phân bổ	Phân bổ chi tiết giai đoạn 2018-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
29	Dự án phục chế, tu sửa, bảo quản, sưu tầm và trưng bày hiện vật thuộc Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Tân Hoà, huyện Vũ Thư	3092; 28/10/2016	2.429		1.000	1.000	1.000	
30	Cải tạo sửa chữa phòng đặt máy chủ và đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm tại Chi cục văn thư Lưu trữ thuộc Sở Nội vụ	1106/QĐ-UBND; 11/5/2016	2.177		1.600	500	500	
31	Hỗ trợ Nhà làm việc các cơ quan Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Tiền Hải (Theo văn bản số 14866/BTC-ĐT ngày 03/11/2017 của Bộ TC)	8718; 08/12/2014	107.819	13.800	20.000	10.000	10.000	
32	Tuyến đường nối từ đường ĐT.396B với ĐH.76 đi khu Di tích A Sào, huyện Quỳnh Phụ	160; 24/01/2017	44.953		10.000	10.000	10.000	
33	Cầu Xuân Trạch, huyện Quỳnh Phụ	19292; 27/12/2016	22.956		11.860	5.000	5.000	
34	Đường từ QL39 qua UBND xã Thái Hưng đến Nhà lưu niệm chủ tịch Hồ Chí Minh xã Hồng An, huyện Hưng Hà (Đoạn từ cầu Dương Xuân xã Thái Hưng đi cầu Giàng xã Tiến Đức)	10593; 18/12/2013	12.334		4.925	5.000	5.000	
35	Xử lý khẩn cấp cầu Giác trên tuyến đường từ QL.39 đi các xã phía đông bắc huyện Hưng Hà	6543; 28/09/2016	12.481		4.869	5.000	5.000	
36	Xây dựng công trình đường ĐT.457 (đường 222 cũ) đoạn từ cầu Trà Giang đi xã Bình Minh, huyện Kiến Xương	2029; 23/12/2016	182.178		30.000	20.000	20.000	
37	Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão đê hữu Trà Lý và đê cửa sông Hữu Trà Lý thuộc các xã Lê Lợi, Nam Cao, Thượng Hiền, Huyện Kiến Xương	482; 09/05/2014	46.028		28.000	5.000	5.000	
38	Cải tạo, nâng cấp đường 219 đoạn từ cầu Rọng đến đê hữu Trà Lý, xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương	1581; 03/11/2015 và 283; 23/3/2017	14.959		5.000	3.000	3.000	
39	Xử lý khẩn cấp đê Hữu Trà Lý từ K45+900 đến K46+200 và đê cửa sông hữu Trà Lý từ Ko đến K1+800 xã Hồng Thái, huyện Kiến Xương	3408; 25/11/2016	14.600		2.000	5.000	5.000	
II	**CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2018-2020**		**415.346**	**0**	**400**	**78.500**	**78.500**	
1	Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến nhánh nối từ QL39 đến dự án BOT (tuyến đường nối từ QL10 đến đường Thái Bình - Hà Nam, đoạn từ QL10 đến sông Trà Lý và cầu vượt sông Trà Lý		124.000			10.000	10.000	
2	Cải tạo sửa chữa nhà 1 Bệnh viện Đa khoa tỉnh (để bố trí cho Trung tâm ung bướu)	2813; 30/10/2017	4.482	0		1.500	1.500	

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Luỹ kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Đã bố trí năm 2016, 2017	Kế hoạch năm 2018 đã phân bổ	Phân bổ chi tiết giai đoạn 2018-2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Xây dựng nhà hiệu bộ Trường THPT Đông Thụy Anh	2774; 25/10/2017	7.338		100	3.000	3.000	
4	Cải tạo, sửa chữa nhà học 3 tầng 21 phòng học, xây dựng trạm biến áp và hệ thống đường điện Trường THPT Tiên Hưng	2830; 31/10/2017	4.879			2.000	2.000	
5	Xây dựng nhà học 3 tầng 15 phòng học Trường THPT Chu Văn An	2775; 25/10/2017	12.722		100	3.000	3.000	
6	Đầu tư xây dựng nhà học 3 tầng trường THPT Lê Quý Đôn	3123; 31/10/2016	11.318		100	3.000	3.000	
7	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm Cai nghiện ma túy và chăm sóc đối tượng xã hội tỉnh Thái Bình	2648; 10/10/2017	4.850		100	2.000	2.000	
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường quay truyền hình Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình	3123a; 31/10/2016	12.932		0	3.000	3.000	
9	Dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích Miếu Hai thôn, xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư	2708; 17/10/2017	4.938	0	0	2.500	2.500	
10	Đầu tư xe truyền hình lưu động Đài phát thanh truyền hình tỉnh		29.920			6.000	6.000	
11	Sửa chữa, xây dựng một số cơ sở vật chất của Trung tâm thông tin công tác tuyên giáo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	1641; 23/6/2017	4.900		0	2.000	2.000	
12	Phân căn cứ Hậu cần - Kỹ thuật phía trước, trong khu vực phòng thủ tỉnh Thái Bình	2812; 30/10/2017	34.738		0	6.000	6.000	
13	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình		2.629		0	1.500	1.500	
14	Cải tạo nâng cấp Đường liên xã Quang Trung - Quang Minh - Minh Hưng, huyện Kiến Xương	1919; 22/11/2017	135.000			20.000	20.000	
15	Đền Trần xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà		11.200			10.000	10.000	
16	Tu bổ, tôn tạo Di tích quốc gia Miếu ba thôn, chùa Hưng Quốc, xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy (Giai đoạn 2)		9.500			3.000	3.000	